

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HSST

Ngày: 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Công Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Tấn Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa trực tuyến với các điểm cầu liên tỉnh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2024/HSST ngày 23/05/2024 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị Ngọc C; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1978, tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: đường V, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12. Cha: Đoàn Văn D (chết); Mẹ: Hứa Thị Ngọc B (chết); Có 01 em; Chồng: Bùi Như L, sinh năm 1985; Có 04 con: lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền sự: Không. Tiền án:

+ Ngày 22/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 09/2012/HSST). Hoàn chấp hành án, đến năm 2015 phạm tội mới.

+ Ngày 19/01/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt với hình phạt của Bản án số 09/2012/HSST, hình phạt chung là 02 năm tù (Bản án số 04/2016/HSST).

+ Ngày 18/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt với hình phạt của Bản án số 04/2016/HSST, hình phạt chung là 04 năm tù (Bản án số 39/2016/HSST).

+ Ngày 12/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999. Tổng hợp hình phạt với hình phạt của Bản án số 39/2016/HSST, hình phạt chung là 07 năm tù. Chấp hành xong ngày 04/10/2021. (Bản án số 22/2016/HSST).

Nhân thân:

+ Ngày 17/11/1998, bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh An Giang xử phạt 05 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân.

+ Ngày 08/02/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định khởi tố bị can và bị tạm giam về tội trộm cắp tài sản.

Hiện bị can đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Phan Đình B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1985, tại tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Phan Văn D (chết). Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Có 02 em. Vợ: Lê Hà Ánh P, sinh năm 1984. Có 02 con: sinh năm 2013 và sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Đình B Luật sư Trần Thị H, Công ty Luật TNHH một thành viên N Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên lạc: đường Q, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Q, sinh ngày: 15/7/1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Trương Thị D, sinh ngày 22/9/1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: đường L, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 15/6/2023, Đoàn Thị Ngọc C rủ Phan Đình B đi đến tỉnh Phú Yên trộm cắp tài sản, B đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển số 79N2-399.59 chở C đi từ thị xã N đến thành phố T. Đến thành phố T, C xuống xe đi bộ tìm tài sản để trộm cắp, còn B điều khiển xe mô tô đến quán cà phê ngồi đợi. Khi C đi đến trước phòng khám tư nhân Bác sĩ A ở địa chỉ đường,

phường B, thành phố T nhìn thấy bên trong phòng khám không có người trông coi, C đi vào lén mở tủ bàn gỗ lấy 01 điện thoại di động iPhone 11 ProMax, màu Gold và 01 con heo đất bên trong có số tiền 300.000 đồng của chị Huỳnh Thị Mỹ Q, rồi đón xe đi đến chợ Phú Lâm, thành phố T. Sau đó, C gọi điện thoại cho B đến chở C về nhà B ở thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. C đem điện thoại đến chợ D, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bán cho một người đàn ông (không xác định) lấy 1.600.000 đồng, C chia cho B 500.000 đồng, còn tiền còn lại C tiêu xài hết.

Ngày 26/6/2023, C tiếp tục rủ B đi tìm tài sản để trộm cắp, B đồng ý, điều khiển xe mô tô biển số 79N2-399.59 chở C đi đến thành phố Tuy Hòa, C xuống xe đi bộ tìm tài sản để trộm cắp, còn B điều khiển xe mô tô đến quán cà phê H đường H thuộc phường B ngồi đợi. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, C đi đến trước phòng xét nghiệm của chị Trương Thị D ở địa chỉ đường L, phường M, thành phố T nhìn thấy phòng không khóa cửa, không có người trông coi, C đi vào lén lấy chìa khóa mở ngăn kéo tủ nhựa lấy 02 cọc tiền cất giấu vào trong người rồi đón xe đi đến chợ P, thành phố T và gọi điện thoại cho B đến chở cùng về nhà B ở thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trên đường đi, C lấy 02 cọc tiền vừa lấy trộm ra đếm được 80.000.000 đồng. C chia cho B 5.000.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuy Hòa kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 11 ProMax, màu Gold, dung lượng 256 GB, trị giá 7.700.000 đồng.

Các bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và Phan Đình B thành khẩn khai báo; bị cáo B tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại số tiền 5.500.000 đồng; bị cáo C và B xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và kết luận vụ án giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng số 67/CT-VKSTH ngày 16 tháng 05 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Đoàn Thị Ngọc C đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Phan Đình B đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Ngọc C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Phan Đình B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị Mỹ Q 8.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi thường cho bà Q 500.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà Q 7.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường cho bà Trương Thị D 80.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi thường cho bà D 5.000.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà D 75.000.000 đồng.

4. Vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bao tay bằng vải len, màu đen, trắng, tím; 01 bì ni lông trong suốt bên trong có chứa 06 bì ni lông trong suốt, trong mỗi bì ni lông có chứa các viên thuốc tây dạng viên nén và viên nhộng; 01 mũ B hiem màu đen, 01 đôi dép da xỏ ngang. 01 mũ diêm lười trai màu đen có chữ JOARIDRAN, 02 quần jean dài màu xanh; 01 áo khoác tay dài có chữ “adidas” màu đen, áo khoác vải màu trắng dài tay, 01 áo vải thun ngắn tay màu trắng có chữ NIKE, 01 quần jean nữ dài màu đen.

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi, màu xanh-xám.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Đình B trình bày luận cứ: Xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo B không oan sai, bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

7. Kiểm sát viên đối đáp các bị cáo bị truy tố phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên bị cáo không được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các hành vi, quyết định tố tụng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 15/6/2023 và ngày 26/6/2023 tại Phường M và Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Đoàn Thị Ngọc C 02 lần rủ Phan Đình B cùng tham gia lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động và số tiền 80.300.000 đồng của các chị Huỳnh Thị Mỹ Q, Trương Thị D. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là trị giá 88.000.000 đồng, C chia cho B 5.500.000 đồng. Hành vi của C và B đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Bản Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Đoàn Thị Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Phan Đình B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Các bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và Phan Đình B là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi phạm tội nhưng vì nhu cầu tiêu sái cá nhân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Xét vai trò, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với Bị cáo C là người chủ động rủ bị cáo B đi trộm tài sản, trực tiếp chiếm đoạt tài sản là chính, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo không khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo có nhân thân xấu là các tình tiết tăng nặng tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong quá trình điều tra bị cáo thật thà khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Phan Đình B khi bị cáo rủ đi trộm tài sản và thực hiện chở bị cáo C đến Tuy Hòa trộm cắp tài sản 02 lần và được nhận với số tiền 5,5 triệu đồng.. Hành vi phạm tội của cáo phạm tội là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm tội tham gia giúp sức chở bị cáo C thực hiện trộm cắp tài sản, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và đã khắc phục bồi thường, do đó áp dụng điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, học tập tốt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường Bà Huỳnh Thị Mỹ Q 8.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi thường cho bà Q 500.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà Q 7.500.000 đồng.

[4.2] Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường Bà Trương Thị D 80.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi thường

cho bà D 5.000.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà D 75.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ 5.500.000 đồng của bị cáo Phan Đình B đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001071 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa để B đảm bồi thường.

[5] Vật chứng vụ án:

[5.1] Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bao tay bằng vải len, màu đen, trắng, tím; 01 bì ni lông trong suốt bên trong có chứa 06 bì ni lông trong suốt, trong mỗi bì ni lông có chứa các viên thuốc tây dạng viên nén và viên nhộng; 01 mũ B hiểm màu đen, 01 đôi dép da xỏ ngang. 01 mũ diêm lưỡi trai màu đen có chữ JOARIDRAN, 02 quần jean dài màu xanh; 01 áo khoác tay dài có chữ “adidas” màu đen, áo khoác vải màu trắng dài tay, 01 áo vải thun ngắn tay màu trắng có chữ NIKE, 01 quần jean nữ dài màu đen.

[5.2] Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi, màu xanh-xám.

Đối với người đàn ông mua điện thoại di động iPhone 11 ProMax mà C lấy trộm bán, do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở xem xét, xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 79N2-nnn.nn, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu bạc- đen, hiện chưa xác định được ai là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nên giao Công an thành phố Tuy Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh xử lý theo quy định.

[6] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và Phan Đình B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt Đoàn Thị Ngọc C 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

5. Xử phạt Phan Đình B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

6. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

6.1 Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị Mỹ Q 8.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi

thường cho bà Q 500.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà Q 7.500.000 đồng.

6.2 Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C và bị cáo Phan Đình B liên đới bồi thường cho bà Trương Thị D 80.000.000 đồng, bị cáo Phan Đình B đã bồi thường cho bà D 5.000.000 đồng, buộc bị cáo C phải tiếp tục bồi thường cho bà D 75.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ 5.500.000 đồng của bị cáo Phan Đình B đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001071 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa để B đảm bồi thường.

7. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

7.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bao tay bằng vải len, màu đen, trắng, tím; 01 bì ni lông trong suốt bên trong có chứa 06 bì ni lông trong suốt, trong mỗi bì ni lông có chứa các viên thuốc tây dạng viên nén và viên nhộng; 01 mũ B hiểm màu đen, 01 đôi dép da xỏ ngang. 01 mũ diêm lưỡi trai màu đen có chữ JOARIDRAN, 02 quần jean dài màu xanh; 01 áo khoác tay dài có chữ “adidas” màu đen, áo khoác vải màu trắng dài tay, 01 áo vải thun ngắn tay màu trắng có chữ NIKE, 01 quần jean nữ dài màu đen.

7.2. Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi, màu xanh-xám.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đoàn Thị Ngọc C phải chịu 4.125.000đ (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng